BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 422 /QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
V/v chi trợ cấp xã hội cho sinh viên HKII năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP, ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT, ngày 24/03/2021 của Hội đồng trường Trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập; Thông tư Liên tịch số 53/1998/TTLT/BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 25/8/1998 hướng dẫn thực hiện chế độ học bổng khuyến khích học tập và trợ cấp xã hội đối với HSSV các trường đào tạo công lập;

Xét hồ sơ chính sách của sinh viên học kỳ II năm học 2023-2024;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị và Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền trợ cấp xã hội HKII năm học 2023-2024 cho 138 sinh viên (có danh sách kèm theo), mỗi sinh viên 200.000đ/tháng và được cấp 05 tháng tương ứng với 01 học kỳ, tổng số tiền là 138.000.000đ (Một trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn).

Điều 2. Trưởng phòng Công tác Chính trị và Sinh viên, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính, các trưởng đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong danh sách ghi ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Bộ GD&ĐT (báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.CTCTSV.

HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

Phụ lục I

DANH SÁCH TRỢ CẤP XÃ HỘI HKII NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số: 422 /QĐ-ĐHNT ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

ĐVT: VN đồng

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
	Khóa 62							
1	62130900	H' Lý	Knul	11-08-2002	62.KDTM-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
2	62132018	Pi Năng Thị	Thiệp	01-01-2002	62.KT-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
3	62130291	Đàng Thị Mỹ	Dung	03-09-2002	62.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
4	62134072	Nông Thị Hồng	Nhung	04-05-2002	62.QTDL-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
5	62132176	Mang Thị Bích	Thuyền	15-09-2002	62.QTKD-4	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
6	62133113	Đạt Ngọc	Luật	20-04-2002	62.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
7	62133070	Sử Ngọc	Khải	02-02-2002	62.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
8	62139063	Lý Minh	Phú	01-01-2002	62.DLOT-KG	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
9	62130397	Mấu Thị Hương	Giang	20-07-2002	62.QTDL-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
10	62139034	Danh Hoàng	Đệ	02-07-2002	62.DLOT-KG	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
11	62130877	Dương Trung	Kiên	13-05-2002	62.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
12	62131860	Đào Thiện	Thạch	08-07-2002	62.DDT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
13	62131595	Ngưu Văn	Phước	21-09-2002	62.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
14	62134185	Vạn Thị	Sươn	07-07-2002	62.TCNH-4	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
15	62139068	Mã Minh	Thắng	11-03-2002	62.DLOT-KG	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
16	62133749	Đàng Nữ Phượng	Hồng	13-09-2002	62.CNTP-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
17	62133818	Phú Ngụy Diễm	Khanh	04-10-2002	62.CNTP-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
18	62131458	Hán Thị Mỹ	Như	23-11-2002	62.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
19	62131770	Cao Thị Mi	Sa	24-04-2002	62.QLTS	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
20	62139059	Hồng Quốc	Phát	03-10-2002	62.DLOT-KG	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
21	62132261	Vũ Xuân	Toàn	12-03-2002	62.QTDL-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
22	62131354	Trần Uyển Hạ	Nguyên	26-03-2002	62.CNTP-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
23	62133847	Hồ Thị Thúy	Kiều	15-01-2002	62.CNOT-4	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
24	62131892	Lê Thị Kim	Thanh	25-01-2002	62.QTKS-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
25	62133945	Võ Trà	My	25-08-2002	62.NNA-4	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
26	62132649	Lê Thị Thu	Vân	04-11-2002	62.QTKD-4	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
27	62133520	Nguyễn Thị Quỳnh	Ánh	01-03-2002	62.KDTM-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
28	62133959	Nguyễn Thành	Nam	02-11-2001	62.QTDL-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
29	62133971	Huỳnh Thị Việt	Ngân	26-04-2002	62.CNTP-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
30	62134556	Nguyễn Thị Mai	Hồng	14-12-2002	62.KTPT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
31	62130254	Nguyễn Khánh	Diệp	02-09-2002	62.QTKS-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
32	62133675	Lại Thị Thu	Hằng	07-12-2002	62.QTKS-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
33	62131345	Nguyễn Thái	Nguyên	04-01-2002	62.KTTT	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
	Khóa 63							
34	63132399	Thiên Thị Hồng	Nhi	27-09-2003	63.CNTP-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
35	63133670	Phú Thị	Đạt	10-11-2003	63.TCNH-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
36	63133730	Trượng Thị Thu	Dự	06-03-2003	63.TCNH-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
37	63134366	Phú Trung	Kiên	22-12-2003	63.DDT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
38	63135845	Đồng Gia	Trí	03-08-2003	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
39	63134547	Não Anh	Lực	26-12-2001	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
40	63130063	Thành Quốc	Anh	19-05-2003	63.DDT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
41	63135748	Bá Văn	Toản	10-07-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
42	63131120	Đàng Năng	Quý	20-07-2002	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
43	63132048	Trương Xuân	Hiệp	25-10-2003	63.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
44	63135930	Lưu Quốc	Trung	03-09-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
45	63131991	Lượng Thị	Gim	09-01-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
46	63130592	Đồng Thị Ngọc	Khuyến	28-05-2003	63.TCNH-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
47	63136334	Trượng Anh	Vũ	14-07-2003	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
48	63135322	Sử Hoàng	Sang	17-02-2003	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
49	63132338	Thiên Xuân	Nghĩa	08-03-2003	63.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
50	63132247	Mã Thạch	Lực	20-10-2003	63.XDCTGT	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
51	63132544	Hán Thị	Sôni	21-07-2003	63.QLTS	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
52	63132581	Thập Nữ Thúy	Thanh	22-01-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
53	63133202	Thập Nữ Thanh	Thúy	22-01-2003	63.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
54	63134747	Quảng Thị Kim	Ngân	03-02-2003	63.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
55	63135629	Nguyễn Ngọc Mỹ	Thuận	23-01-2003	63.TCNH-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
56	61133040	Đặng Thị	Đào	06-09-2001	63.NNA-SN	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
57	63134979	Hồ Ngọc Khánh	Như	06-01-2003	63.HTTT	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
58	63135927	Bùi Chí	Trung	28-03-2003	63.NNA-BP1	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
59	63132221	Nguyễn Thị Thúy	Linh	16-09-2003	63.NNA-DL2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
60	63135990	Nguyễn Thanh	Tùng	17-09-2003	63.CNTP-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
61	63134443	Đặng Huyền	Linh	11-12-2003	63.KDTM-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
62	63130238	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19-03-2003	63.QTKS-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
63	63134427	Nguyễn Thị	Lanh	22-07-2003	63.CNTT-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
64	63134095	Lê Thị Tuyết	Hồng	24-10-2003	63.QTKS-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
65	63132611	Võ Thị Thanh	Thảo	22-05-2003	63.TCNH-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
66	63131129	Đặng Hoài Mỹ	Quyên	16-09-2003	63.KT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
67	63136144	Phạm Minh	Vương	20-01-2003	63.KHHH-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
68	63134835	Dương Thị Mỹ	Nguyên	20-08-2003	63.KT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
	Khóa 64							
69	64133435	Lưu Thị Kim	Liên	30-06-2003	64.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
70	64130161	Thiên Thị Như	Bình	27-04-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
71	64131187	Trượng Nữ Khánh	Linh	02-09-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
72	64132064	Thành	Sơn	05-05-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
73	64132759	Miều Văn	Trung	22-05-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
74	64130750	Sư Thị Ngọc	Hoàng	24-11-2004	64.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
75	64130687	Đàng Nữ Ngọc Xuân	Hoa	20-04-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
76	64133197	Trượng Thị Hồng	Ngân	26-07-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
77	64131459	Từ Thị Kim	Ngân	20-05-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
78	64131324	Thuận Thị Kim	Môn	24-10-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
79	64131745	Bá Thùy	Ni	10-04-2004	64.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
80	64130148	Hải Thị Thanh	Bình	26-01-2004	64.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
81	64132096	Tài Duy	Tâm	19-08-2004	64.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
82	64130353	Nguyễn Kim	Dong	02-07-2004	64.KHHH-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
83	64133264	Nguyễn Thị Thu	Hạ	05-02-2004	64.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
84	64130231	Lộ Thành Mộng	Đài	01-04-2004	64.MARKT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
85	64132345	Hán Văn	Thu	10-01-2004	64.NTTS-MP	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
86	64132104	Trượng Nữ Linh	Tâm	22-05-2004	64.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
87	64133209	Hán Thị Sông	Nin	17-04-2003	64.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
88	64132951	Hồ Thúy	Vi	03-08-2004	64.NNA-GD	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
89	64132593	Võ Hoàng Bảo	Trâm	05-08-2004	64.TCNH-1	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
90	64132136	Trần Thanh	Thân	24-10-2002	64.KHHH-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
91	64133094	Đinh Thị Mỹ	Xa	01-05-2004	64.KT-3	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
92	64131243	Mai Thị Thu	Luyện	04-03-2004	64.KIT	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
93	64131248	Lê Thị Mỹ	Ly	07-02-2004	64.KT-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
94	64132101	Trần Thị	Tâm	31-07-2004	64.MARKT-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
95	64133064	Nguyễn Thị Tường	Vy	25-04-2004	64.KDTM-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
96	64130654	Trần Thị	Hiệp	19-06-2004	64.KIT	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
97	64131157	Lê Thị Phương	Linh	25-12-2003	64.KDTM-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
98	64132321	Hồ Thị Minh	Thoa	05-07-2004	64.CNHH	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
99	64130141	Phan Thị Hồng	Bích	13-07-2004	64.NNA-SN	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
	Khóa 65							
100	65132520		Nhô	08-08-2005	65.CNOT-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
101	65132521		Nhơn	08-08-2005	65.CNOT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
102	65134378	Châu Thọ Khánh	Vy	19-05-2005	65.KHHH-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
103	65132790	Kiều Nữ Như	Phương	27-08-2005	65.TTQL-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
104	65130736	Ngư Thị Khánh	Hà	05-05-2005	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
105	65130565	Y Ly	Dung	10-08-2005	65.QTKD-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
106	65130583	Vạn Thị Thu	Được	20-08-2004	65.CBTS	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
107	65131977	Vạn Nữ Tuyết	Minh	23-03-2005	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
108	65133029	Đạo Thị Kim	Sáng	13-01-2005	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
109	65130724	Lượng Thị	Giàu	27-01-2005	65.KT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
110	65132350	Dương Thị Xuân	Nhã	07-04-2005	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
111	65131641	Đồng Chế My	Lan	25-05-2005	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
112	65130523	Nại Thị Mỹ	Du	19-07-2005	65.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
113	65130481	Trượng Thị Hoàng	Diệu	12-09-2005	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
114	65133010	Châu Hoàn Ny	Sa	03-04-2005	65.KT-3	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
115	65132615	Đạt Ngọc	Nữ	04-08-2004	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
116	65130364	Ngụy Nữ Ngọc	Dáng	19-05-2003	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
117	65131024	Bích Nhụy Mỹ	Hoa	01-08-2005	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
118	65134537	Đàng Thu	Sương	30-08-2004	65.CNSH	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
119	65132767	Đàng Hữu	Phước	13-03-2005	65.DDT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
120	65133816	Thiên Nữ Huyền	Trân	20-08-2005	65.QLTS	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
121	65132856	Vạn Hồng	Quân	29-07-2004	65.CNXD-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
122	65134270	Nại Thành Khải	Vi	04-08-2005	65.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
123	65134122	Quảng Chí	Tường	15-07-2003	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
124	65134065	Bá Anh	Tuấn	15-01-2005	65.NTTS-MP	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
125	65134284	Não Minh	Vĩ	06-02-2005	65.NTTS-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
126	65134180	Bá Thị Mỹ	Út	21-01-2005	65.KT-2	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Lớp	Đối tượng	Mức HB TCXH 01 tháng	Mức HB TCXH 05 tháng
127	65134538	Phú Thị My	Uy	19-08-2004	65.KT-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
128	65132290	Hán Thị Xuân	Nguyên	14-10-2005	65.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
129	65131250	Từ Nữ Ngọc	Hường	29-06-2005	65.NTTS-1	DTTS vùng cao	200.000	1.000.000
130	65134505	Thiều Xuân	Ý	30-05-2005	65.TTQL-2	Mồ côi cha mẹ	200.000	1.000.000
131	65133141	Đào Duy	Tấn	07-12-2005	65.CNTT-1	Khuyết tật trên 41%	200.000	1.000.000
132	65130426	Nguyễn Tiến	Đạt	11-03-2005	65.QTDL-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
133	65132213	Trương Công	Nghĩa	20-10-2005	65.TCNH-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
134	65134563	Huỳnh Phú	Dầu	20-05-2005	65.KHTS	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
135	65134262	Huỳnh Thị Kim	Vấn	09-06-2005	65.QTKD-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
136	65131157	Nguyễn Thị	Hồng	16-05-2005	65.QTKD-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
137	65132084	Huỳnh Thị Việt	Nga	09-12-2005	65.KHHH-2	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
138	65131146	Từ Văn	Hoàng	01-12-2005	65.NTTS-1	Hộ nghèo/CN, HL khá/giỏi, RL tốt	200.000	1.000.000
Tổng cộng:								**138.000.000**
Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu đồng chẵn.								

(Danh sách bao gồm 138SV)

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Trang Sĩ Trung

TRƯỞNG PHÒNG CTCTSV

Tống Văn Toản

NGƯỜI LẬP BẢNG

Trần Thị Thùy Dương

Kiểm tra chi tiết cộng lại khớp với số tổng
Đỗ Trần Hà My